

DANH SÁCH LUẬT SƯ NÓPHÍ TỪ 18 THÁNG KHU VỰC MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN

Cập nhật đến ngày 20/8/2024

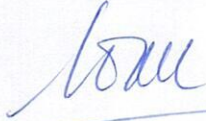
STT	Luật sư	Số thẻ luật sư	Thời gian		Số tháng thiếu	Số tiền	Đoàn Luật sư
			Từ tháng	Đến tháng			
1	ĐỖ NGỌC ĐỊNH	17030	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Bình Định
CỘNG					18	1,800,000	
1	TRẦN VĂN XÊ	6484	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Bình Thuận
2	NGUYỄN VĂN THẠNH	13451	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Bình Thuận
CỘNG					36	3,600,000	
1	HOÀNG THỊ KIM CHÂU	657	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
2	PHẠM NAM CHINH	660	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
3	NGUYỄN ĐỨC TÚ	682	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
4	THÁI VĂN BẮC	689	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
5	TRẦN VĂN HÒA	705	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
6	ĐÌNH VĂN NAY	5328	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
7	NGUYỄN TẤN BẮC	6103	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
8	NGÔ VĂN BÌNH	6104	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
9	BÙI TẤN PHƯƠNG	6166	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
10	TRẦN THỊ THU THẢO	6168	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
11	MAI NGỌC BẦY	6832	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
12	NGUYỄN BÁ NĂM	7306	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
13	TRẦN ĐÌNH VINH	10874	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
14	NGUYỄN VĂN QUANG	12586	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
15	ĐOÀN VĂN BA	12803	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
16	PHAN THANH BÌNH	12804	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
17	VŨ CÁT TUỜNG	12911	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
18	PHAN NGỌC NGỰ	13540	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
19	MAI VĂN MINH	15814	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
20	NGUYỄN HỮU CHUƠNG	16176	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
21	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	16811	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
22	VŨ THỊ PHƯƠNG KIỀU	17541	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đà Nẵng
CỘNG					396	39,600,000	
1	VŨ HẠ	717	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đăk Lăk
2	MAI QUỐC ÁNH	6716	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đăk Lăk
3	TRẦN ĐÌNH SƠN	14395	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đăk Lăk
4	VŨ DUY LƯỢNG	16449	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đăk Lăk
5	VŨ THỊ HẠNH	16588	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đăk Lăk
CỘNG					90	9,000,000	
1	ĐÌNH HẢI LINH	737	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đăk Nông
2	NGUYỄN VĂN THUYỀN	17521	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Đăk Nông
CỘNG					36	3,600,000	
1	TRẦN ĐỨC ĐẠM	7019	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Hà Tĩnh
2	PHẠM VĂN ÂN	7254	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Hà Tĩnh
3	PHAN VĂN CHUÔNG	9233	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Hà Tĩnh
4	NGUYỄN THỊ CÚC	11917	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Hà Tĩnh
5	HOÀNG XUÂN HUỆ	13898	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Hà Tĩnh
6	NGÔ ĐỨC THỦY	15746	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Hà Tĩnh
CỘNG					108	10,800,000	

1	LÊ ĐÌNH DANH	4095	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
2	NGUYỄN HỮU LIÊM	4104	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
3	NGUYỄN TẤT THẮNG	4112	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
4	LÊ THỊ THU THỦY	4115	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
5	ĐẬU ĐÌNH HỒNG	5822	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
6	NGUYỄN LÊ HOÀNG	7835	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
7	PHẠM VĂN PHÚC	8517	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
8	TRẦN MẠNH CƯỜNG	8979	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
9	VƯƠNG ĐÌNH HUY	10666	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
10	PHẠM THỂ HUY	10960	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
11	LÂM NGỌC LÝ	13487	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
12	PHẠM THỊ LUYÊN	13913	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
13	ĐẶNG THANH BÍCH	15308	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
14	TRẦN TRỌNG ĐÀO	15309	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
15	LÊ PHI DŨNG	16011	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
16	LƯU VĂN THUẬN	16168	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
17	NGUYỄN QUANG TIẾN	16953	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
18	TRẦN THỊ ĐÀM MÂY	17672	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
19	NGUYỄN SỸ ĐỨC	18517	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
20	NGUYỄN QUỐC HÙNG	19021	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Nghệ An
CỘNG					360	36,000,000	
1	TRẦN THỊ HOAN	12955	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Ninh Thuận
CỘNG					18	1,800,000	
1	TRẦN HÀ	14272	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Phú Yên
2	ĐOÀN DŨNG	17182	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Phú Yên
3	TRẦN VĂN HÂN	18296	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Phú Yên
CỘNG					54	5,400,000	
1	NGUYỄN VĂN HOÀN	11072	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Quảng Bình
2	HOÀNG VIỆT THẮNG	15339	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Quảng Bình
CỘNG					36	3,600,000	
1	BÙI BÁ DŨNG	4247	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Quảng Nam
2	VÕ VĂN TRÀ	4254	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Quảng Nam
3	PHAN HUYỀN VŨ	4259	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Quảng Nam
CỘNG					54	5,400,000	
1	LÊ THỊ HOÀI TÂN	4462	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thanh Hoá
2	TRỊNH HUY TÂN	7144	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thanh Hoá
3	HOÀNG THỊ LỊCH	7647	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thanh Hoá
4	BÙI THỊ ÁI VÂN	8962	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thanh Hoá
5	DƯƠNG KHÁNH	9360	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thanh Hoá
6	VŨ DUY HÒA	9979	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thanh Hoá
7	LÊ THỊ LỘC	10604	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thanh Hoá
8	LÊ ĐĂNG GIÁO	10762	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thanh Hoá
9	LÊ NAM	11425	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thanh Hoá
10	NGUYỄN HOÀNH DU	11805	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thanh Hoá
11	TRƯƠNG HÙNG BIỆN	11806	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thanh Hoá
12	LÊ THỊ THANH HIỀN	12387	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thanh Hoá
13	NGUYỄN VĂN THÂN	12532	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thanh Hoá
14	NGUYỄN QUỐC SÁU	14132	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thanh Hoá
15	TRẦN ĐÌNH CHẾ	14258	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thanh Hoá

LUẬT
 HỘI ĐỒNG
 LUẬT SƯ
 HÀN QUỐC

16	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	14259	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thanh Hoá
17	PHAN TÚ ANH	17029	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thanh Hoá
18	LÊ DUY LONG	17320	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thanh Hoá
19	LÊ VĂN HÀ	18582	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thanh Hoá
CỘNG					342	34,200,000	
1	LÊ QUANG MINH	4495	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thừa Thiên Huế
2	DƯƠNG THỊ MỸ	4497	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thừa Thiên Huế
3	PHÙNG HỮU THÀNH	14181	1/2023	6/2024	18	1,800,000	Thừa Thiên Huế
CỘNG					54	5,400,000	

NGƯỜI LẬP BIÊU



NGUYỄN THỊ BÍCH LOAN

PHỤ TRÁCH KÊ TOÁN



PHẠM THANH XUÂN

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



TRẦN THỦY DUNG

